

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 07 - 5 - 2021.

*“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mạc Minh Quang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Định và bà Dương Thị Kim Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Thắng - Thư ký TAND tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên
tòa:** Ông Phạm Văn Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở TAND tỉnh Hải Dương xét xử sơ
thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2021/TLST-HNGĐ ngày 08/01/2021 về việc
“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét
xử số 37/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/3/2021, Quyết định hoãn phiên tòa
số 45/QĐST-HNGĐ ngày 13/4/2021 và Thông báo về việc thay đổi thời gian
mở lại phiên tòa số 03/2021/TB-TA ngày 19/4/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **P T T** - sinh năm 1997; HKTT: Thôn ĐL, xã QT,
thành phố HD, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú hiện nay: Thôn LX, xã TT, huyện
TH, tỉnh Hải Dương.

- *Bị đơn:* Anh **T V H** - sinh năm 1985; Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn
ĐL, xã QT, thành phố HD, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú hiện nay: CHLB Đức.

- *Người làm chứng:* Ông Trần Văn L - sinh năm 1956, địa chỉ: Thôn ĐL,
xã QT, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Chị T, anh H và ông L đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai chị T trình
bày:** Chị và anh T V H kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết
hôn tại UBND xã TT, huyện TH, tỉnh Hải Dương vào ngày 24/3/2014 và được
hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục. Sau khi cưới, chị về gia đình

anh H sinh sống và vợ chồng đều làm công nhân cùng công ty nên có nhiều thời gian bên nhau, bảo ban làm ăn, vun vén hạnh phúc gia đình, sau đó mỗi người làm việc một nơi, anh H không tu chí, ham chơi, dẫn đến kinh tế gia đình sa sút, từ đó vợ chồng thường hay xảy ra mâu thuẫn, cãi chửi nhau. Năm 2018, anh H đi sang Đức lao động mục đích để cải thiện kinh tế gia đình, nhưng anh H cũng không chịu khó làm ăn, không gửi tiền về lo cuộc sống gia đình, thỉnh thoảng vợ chồng có gọi điện thoại cho nhau để thăm hỏi, nhưng khi chị nhắc đến chuyện kinh tế thì vợ chồng lại xảy ra cãi nhau nên tình cảm vợ chồng lạnh nhạt và không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H để sớm ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là Trần Q V, sinh ngày 01/10/2014 và Trần K A, sinh ngày 21/12/2015, hiện chị đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nguyên vọng của chị xin được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung và cam kết có đủ điều kiện để nuôi con trưởng thành, tự nguyện không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi các con chung.

Về tài sản chung, vay nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh H tại Cộng hòa liên bang Đức.

- Ông Trần Văn L (bố đẻ anh H) trình bày: Anh H và chị T tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn tại UBND xã Thanh Thủy, huyện Thanh Hà vào năm 2014. Sau ngày cưới, anh chị tổ chức cuộc sống chung vui vẻ, hòa thuận được một thời gian thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn do quan điểm bất đồng, nhiều lần xảy ra cãi chửi nhau nhưng được gia đình khuyên bảo nên anh chị vẫn duy trì cuộc sống chung. Năm 2018, anh H đi sang Cộng hòa liên bang Đức làm ăn, còn chị T ở nhà nuôi 02 con, từ đó anh chị sống ly thân, đến nay anh H vẫn chưa về Việt Nam. Việc chị T xin ly hôn anh H là quyền của anh chị quyết định, gia đình đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Sau khi ông nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản của Tòa án, ông đã thông báo qua điện thoại cho anh H biết về việc chị T làm đơn xin ly hôn và yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng con chung. Do anh H không cho biết địa chỉ cụ thể ở nước ngoài nên ông không thể cung cấp địa chỉ hiện nay của anh H cho Tòa án được, anh H cũng không gửi ý kiến bằng văn bản về cho Tòa án nhưng có quan điểm xác định tình cảm vợ chồng không còn do không tin tưởng nhau, thường xuyên cãi nhau qua điện thoại, không muốn quay về chung sống với chị T nữa nên nhất trí ly hôn và đề nghị giải quyết vắng mặt; Về con chung: Anh H đồng ý để chị T tiếp tục được nuôi dưỡng 02 con chung theo quy định của pháp luật; Về tài sản chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại công văn số 2783/QLXNC-P5 ngày 03/02/2021 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an cung cấp anh T V H, sinh ngày 02/3/1985 đã xuất cảnh ngày 17/4/2018, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước.

Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm xác định việc chấp hành tổ tụng của những người tiến hành tổ tụng và người tham gia tổ tụng đảm bảo quy định của pháp luật. Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị P T T được ly hôn anh T V H; Về con chung: Xử giao chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 02 con chung là Trần Q V, sinh ngày 01/10/2014 và Trần K A, sinh ngày 21/12/2015 cho đến khi con trưởng thành, chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền các nuôi con chung; Về tài sản chung, vay nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không phải giải quyết; Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tổ tụng: Nguyên đơn chị P T T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đề nghị xin xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

Anh T V H là bị đơn trong vụ án là người Việt Nam đang lao động tại Cộng hòa liên bang Đức nhưng không rõ địa chỉ, tuy nhiên anh H vẫn thường xuyên liên lạc với thân nhân ở trong nước. Tòa án đã yêu cầu chị T cũng như ông Trần Văn L (bố đẻ anh H) cung cấp địa chỉ của anh H nhưng không cung cấp được nên Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Tòa án đã tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh H vẫn vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh H tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã TT, huyện TH, tỉnh Hải Dương vào ngày 24/3/2014. Do đó hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị tổ chức cuộc sống chung vui vẻ, hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do quan điểm bất đồng, anh H không tu chí làm ăn, anh chị không bảo được nhau dẫn đến cãi chửi nhau. Đến năm 2018, anh H đi lao động và sinh sống tại Cộng hòa liên bang

Đức, thời gian đầu anh chị thường xuyên liên lạc, sau đó do anh chị tiếp tục có mâu thuẫn nên anh H không gửi tiền về và không quan tâm đến cuộc sống của mẹ con chị T. Nay chị T xác định tình nghĩa vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn, thông qua gia đình anh H cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn. Xét mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, đã ly thân nhiều năm không còn quan tâm đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần xử cho chị T được ly hôn anh H là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Trần Q V, sinh ngày 01/10/2014 và Trần K A, sinh ngày 21/12/2015, hiện đang ở với chị T. Chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung sau khi ly hôn, tự nguyện không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi các con và cam kết có đủ điều kiện để nuôi các con đến khi trưởng thành. Xét chị T đang nuôi dưỡng vẫn bảo đảm về mọi mặt cho các con, anh H hiện đang ở nước ngoài cũng có quan điểm đồng ý để chị T tiếp tục được nuôi cả 02 con. Do vậy cần giao chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 02 con chung đến khi trưởng thành và chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi các con chung là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, vay nợ: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị P T T được ly hôn anh T V H.
2. Về con chung: Giao chị P T T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 02 con chung là Trần Q V, sinh ngày 01/10/2014 và Trần K A, sinh ngày 21/12/2015 cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi các con chung.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, vay nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị P T T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương theo biên lai thu số AA/2018/0005701 ngày 08/01/2021. Chị T đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Chị T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Anh H đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã TT, huyện TH, tỉnh Hải Dương (để nghị vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mạc Minh Quang